

ĐƠN VỊ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

MÃ CHƯƠNG: 421

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày tháng năm 2024 của Sở Giao thông vận tải)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
TỔNG CỘNG		247.083.000	247.083.000	247.083.000	
A	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ NGÂN SÁCH TỈNH	191.530.000	191.530.000	191.530.000	
I	Trả nợ công trình: Sửa chữa các vết nứt, vữa kết cấu bê tông trụ, dầm dẫn cầu Thị Nại năm 2023 (Văn bản số 5806/UBND-KT ngày 15/8/2023)	9.900.000	9.900.000	9.900.000	
II	Sửa chữa vết nứt, vữa kết cấu bê tông móng trụ, dầm dẫn, xử lý lún đường đầu cầu, khe co giãn, thoát nước và hệ thống ATGT cầu Thị Nại năm 2023 - 2024 (Văn bản số 5806/UBND-KT ngày 15/8/2023)	26.730.000	26.730.000	26.730.000	
III	Chi thực hiện Đề án: Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến đường quốc lộ 19B (đoạn sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung) và tuyến đường địa phương kết nối quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết 32/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết 32/2023/NQ-HĐND; Sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh năm 2024; Đầu tư xây dựng 02 trạm cân kiểm tra phương tiện tự động	154.900.000	154.900.000	154.900.000	
1	<i>Thực hiện Đề án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến quốc lộ 19B (đoạn Sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung) và tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1, giai đoạn 2021-2025</i>	72.760.871	72.760.871	72.760.871	
a	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL.19B, đoạn từ Km38+ 200 – Km58+ 100 (Sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung); Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.637	1.159.560	1.159.560	1.159.560	
b	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Diêm Tiêu – Kim Sơn; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.629	601.311	601.311	601.311	
c	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão	31.500.000	31.500.000	31.500.000	
d	Sửa chữa, thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến Nhà Đá – An Lương, huyện Phù Mỹ	39.500.000	39.500.000	39.500.000	
2	<i>Sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh năm 2024</i>	61.650.000	61.650.000	61.650.000	
a	Sửa chữa hư hỏng, thảm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km9+500 - Km12+290, tuyến ĐT.630	4.500.000	4.500.000	4.500.000	

b	Sửa chữa hư hỏng, thăm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km6+00-Km6+361; Km6+500-Km6+900 và đoạn Km7+041-Km7+400, tuyến ĐT.631	2.560.000	2.560.000	2.560.000	
c	Sửa chữa hư hỏng, thăm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km26+214-Km29+081; Km32+850-Km32+900; Km33+450-Km34+059 tuyến ĐT.632.	8.250.000	8.250.000	8.250.000	
d	Sửa chữa hư hỏng, thăm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT đoạn Km3+460– Km5+00, tuyến ĐT.640	3.900.000	3.900.000	3.900.000	
đ	Sửa chữa hư hỏng, thăm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km22+085-Km24+00, Km26+450-Km27+600, tuyến ĐT.636	8.640.000	8.640.000	8.640.000	
e	Sửa chữa hư hỏng, thăm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km0+00-Km3+031, Km3+031-Km8+700, Km8+700-Km9+800, Km19+820-K20+648, tuyến ĐT.633.	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
f	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, mở rộng lề gia cố mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT trên các đoạn Km33+610-Km38+560, Km40+190-Km44+600, Km45+600-Km47+150, Km51+500-Km52+862, tuyến ĐT.637	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
g	Cầu Sông Vó (Km29+660) tuyến ĐT.629, huyện An Lão	9.800.000	9.800.000	9.800.000	
3	Chi trả nợ và quyết toán dự án hoàn thành các công trình	279.440	279.440	279.440	
4	Công tác chuẩn bị đầu tư cho kế hoạch năm 2025	500.000	500.000	500.000	
	Sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh năm 2025 theo Văn bản số 6723/UBND-KT ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh và xử lý bất cập hạ tầng và các kiến nghị cử tri trên địa bàn tỉnh	500.000	500.000	500.000	
5	Đầu tư xây dựng 02 trạm cân kiểm tra phương tiện tự động	19.709.689	19.709.689	19.709.689	
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (HỖ TRỢ KINH PHÍ QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ)	55.553.000	55.553.000	55.553.000	
I	Chi quản lý, duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh (bao gồm các hạng mục chăm sóc cây xanh)	31.272.000	31.272.000	31.272.000	
1	Công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường kết nối giai đoạn 2024 - 2026 (năm 2024)	20.897.000	20.897.000	20.897.000	
2	Công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường Quốc lộ 19, đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1 và Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km0+00-Km18+500, giai đoạn 2022-2024 (năm 2024)	9.864.000	9.864.000	9.864.000	
3	Công tác quản lý, duy trì hạng mục cây xanh trong dải phân cách giữa thuộc dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	511.000	511.000	511.000	
II	Xử lý tồn tại theo kiến nghị cử tri và sửa chữa đột xuất các tuyến đường trên địa bàn tỉnh	24.281.000	24.281.000	24.281.000	
1	Xử lý các điểm bất cập hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh	9.021.000	9.021.000	9.021.000	
2	Xử lý điểm ngập úng và các kiến nghị của cử tri trên tuyến đường ĐT.629	11.260.000	11.260.000	11.260.000	
3	Sửa chữa hư hỏng đột xuất hư hỏng các tuyến đường trên địa bàn tỉnh	4.000.000	4.000.000	4.000.000	